

Bộ, tỉnh: Tỉnh Thái Nguyên

Mẫu số 09b-CK/TSC

Cơ quan quản lý cấp trên: UBND Tỉnh Thái Nguyên

Cơ quan, tổ chức, đơn vị sử dụng tài sản: Văn phòng Sở Y tế Thái Nguyên

Mã đơn vị: 1070372

Loại hình đơn vị: Khối quản lý nhà nước

## CÔNG KHAI TÌNH HÌNH QUẢN LÝ, SỬ DỤNG TRỤ SỞ LÀM VIỆC, CƠ SỞ HOẠT ĐỘNG SỰ NGHIỆP

Năm 2022

STT	Danh mục trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp	Công khai về đất								Công khai về nhà											Ghi chú		
		Diện tích (m <sup>2</sup> )	Giá trị quyền sử dụng đất theo sổ kế toán (Nghìn đồng)	Hiện trạng sử dụng đất đến thời điểm công khai (m <sup>2</sup> )						Năm sử dụng	Tổng diện tích sàn sử dụng (m <sup>2</sup> )	Giá trị theo sổ kế toán (Nghìn đồng)		Hiện trạng sử dụng nhà đến thời điểm công khai (lấy theo diện tích sàn sử dụng (m <sup>2</sup> ))									
				Trụ sở làm việc	Hoạt động sự nghiệp				Sử dụng khác			Nguyên giá	Giá trị còn lại	Trụ sở làm việc	Hoạt động sự nghiệp				Sử dụng khác				
					Không kinh doanh	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết							Không kinh doanh	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết		Sử dụng hỗn hợp			
1	Đất trụ sở làm việc 2 - 1550m <sup>2</sup> (ATTP cũ)	1.555	6.220.000	1.550																			
2	Đất trụ sở văn phòng	2.202	13.924.350	2.202																			
3	Trụ sở làm việc (TTCSSKSS cũ)	3.583	17.538.500	3.583																			
4	Nhà bảo vệ (TTCSSKSS)									2019	16	127.850	9.768	16									
5	Nhà đa năng									2016	322	1.635.577	871.926	322									
6	Nhà để xe (TTCSSKSS)									2019	127	195.468	74.903	127									
7	Nhà làm việc									2003	2.861	6.283.958	2.180.897	2.861									
8	Nhà làm việc 2 tầng (TTCSSKSS)									2019	454	5.195.256	3.323.839	454									
9	Nhà làm việc 3 tầng (TTCSSKSS)									2019	1.000	8.264.378	6.280.927	1.351									
	<b>Tổng cộng:</b>	<b>7.335</b>	<b>37.682.850</b>	<b>7.335</b>							<b>4.780</b>	<b>21.702.487</b>	<b>12.742.260</b>	<b>5.131</b>									

Người lập báo cáo

(Ký, họ tên)

Hoàng Thị Nhã

Ngày 04 tháng 11 năm 2022

Sở trưởng đơn vị

(Ký, họ tên và đóng dấu)



Hoàng Hải